

Ngày 31/03/2024	2,310 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-0.4%	-6.5%	-11.8%

2023	
ROE	-72.7%
	+/- YoY ▼ 1.5%

Q1/24	
DT thuần	266
tỷ VNĐ	
	QoQ ▼ 77.0 ▼ 22.3%
	YoY ▲ 43.0 ▲ 19.5%

2023	
DT thuần	1,122
tỷ VNĐ	
	YoY ▼ 226 ▼ 16.7%

Q1/24	
LN gộp	69.2
tỷ VNĐ	
	QoQ ▼ 7.10 ▼ 9.3%
	YoY ▼ 10.4 ▼ 13.0%

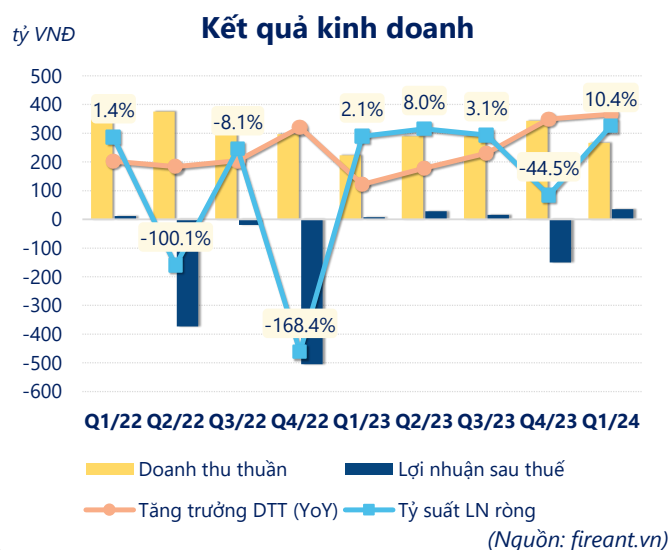
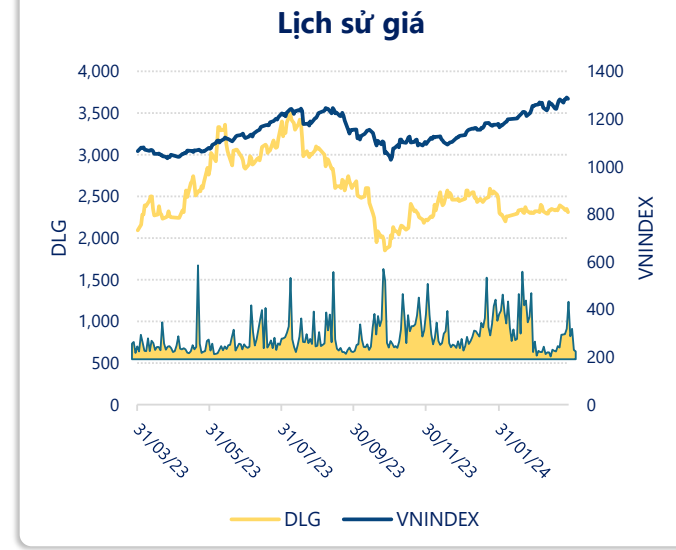
2023	
LN gộp	223
tỷ VNĐ	
	YoY ▼ 104 ▼ 31.9%

Q1/24	
LN thuần	42.5
tỷ VNĐ	
	QoQ ▲ 189 ▲ 129%
	YoY ▲ 31.7 ▲ 293%

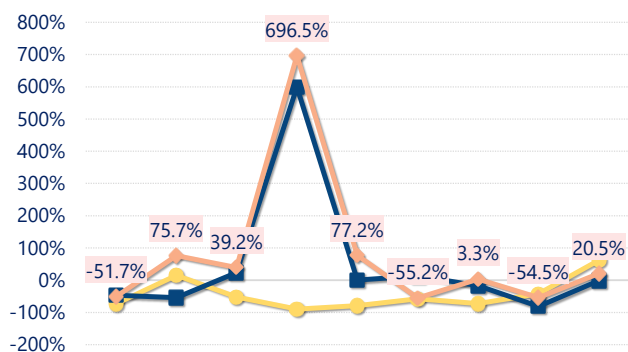
2023	
LN thuần	-559
tỷ VNĐ	
	YoY ▲ 605 ▲ 52.0%

Q1/24	
LN sau thuế	35.5
tỷ VNĐ	
	QoQ ▲ 186 ▲ 124%
	YoY ▲ 28.6 ▲ 416%

2023	
LN sau thuế	-579
tỷ VNĐ	
	YoY ▲ 618 ▲ 51.7%



Tăng trưởng lợi nhuận

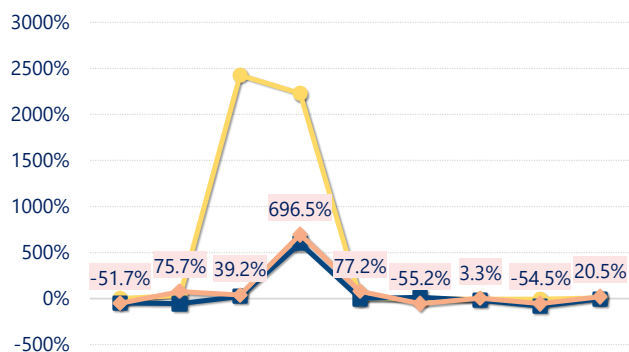


Q1/22 Q2/22 Q3/22 Q4/22 Q1/23 Q2/23 Q3/23 Q4/23 Q1/24

— Tăng trưởng LN thuần (YoY) — Tăng trưởng EBIT (YoY)
— Tăng trưởng LN sau thuế (YoY)

(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng chi phí

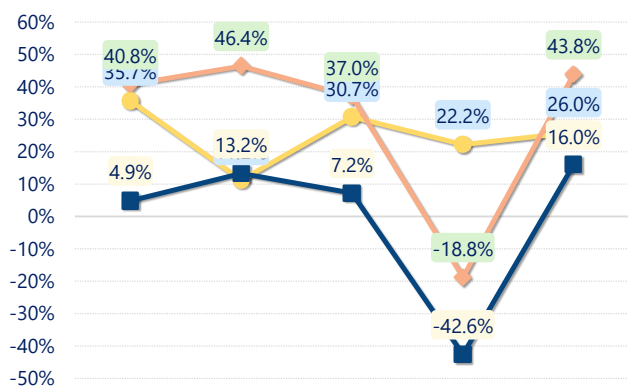


Q1/22 Q2/22 Q3/22 Q4/22 Q1/23 Q2/23 Q3/23 Q4/23 Q1/24

— Tăng trưởng CP lãi vay (YoY) — Tăng trưởng EBIT (YoY)
— Tăng trưởng LN sau thuế (YoY)

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận

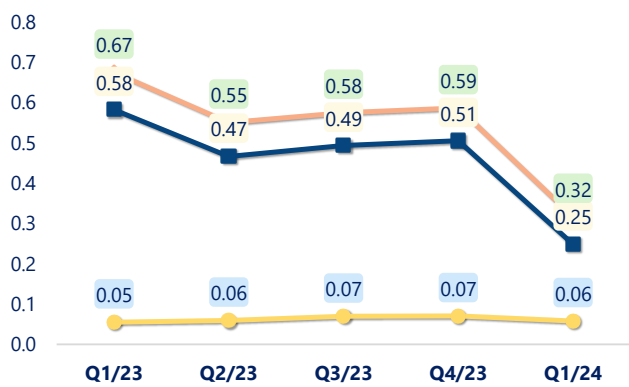


Q1/23 Q2/23 Q3/23 Q4/23 Q1/24

— Tỷ suất LN gộp — Tỷ suất LN thuần — Tỷ suất lãi EBIT

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

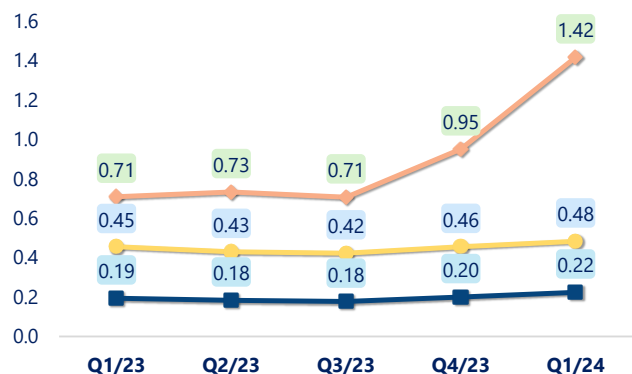


Q1/23 Q2/23 Q3/23 Q4/23 Q1/24

— Tỷ số thanh toán tiền mặt — Tỷ số thanh toán nhanh
— Tỷ số thanh toán hiện hành

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

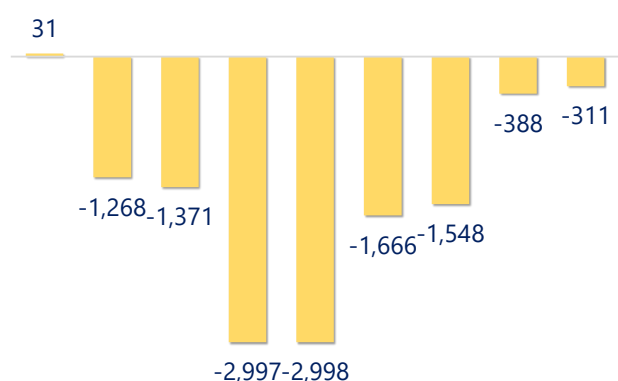


Q1/23 Q2/23 Q3/23 Q4/23 Q1/24

— Vòng quay TSCĐ — Vòng quay Tổng TS
— Vòng quay VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

EPS



Q1/22 Q2/22 Q3/22 Q4/22 Q1/23 Q2/23 Q3/23 Q4/23 Q1/24

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q1/23	Thay đổi YoY	2023	2022	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	266	223	19.5%	1,122	1,348	-16.7%
Giá vốn hàng bán	197	143	37.9%	899	1,021	-11.9%
Lợi nhuận gộp	69.2	79.6	-13.0%	223	327	-31.9%
Doanh thu HĐTC	51.8	50.7	2.1%	238	237	0.3%
Chi phí TC	67.5	81.1	-16.7%	353	428	-17.4%
Chi phí lãi vay	76.4	82.2	-7.0%	354	362	-2.3%
LN trong công ty LKLD	0.09	0.08	13.6%	0.05	0.11	-56.2%
Chi phí bán hàng	2.41	1.12	115%	6.82	11.1	-38.6%
Chi phí QLDN	8.66	37.3	-76.8%	659	1,289	-48.9%
LN thuần từ HĐKD	42.5	10.8	293%	-559	-1,164	52.0%
Lợi nhuận khác	-2.12	-2.25	5.6%	-3.03	-19.7	84.6%
LN trước thuế	40.4	8.56	372%	-562	-1,184	52.5%
Lợi nhuận sau thuế	35.5	6.88	416%	-579	-1,197	51.7%
LNST của CĐ cty mẹ	27.7	4.59	503%	-595	-1,219	51.2%

(Nguồn: fireant.vn)

